**PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

**VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP** (*gồm 2 mẫu phiếu*)

(*Kèm theo công văn số:899/BGDĐT-GDĐH ngày* *09/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **SỞ GDĐT**…….… | | | | | ....................... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | | | |
| **MÃ SỞ:** | |  |  |  |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |
| PHIẾU SỐ 1 |  |  |  |  |  |  |  | SỐ PHIẾU: |
| (Nơi tiếp nhận) |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  | **PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG** | | | |
|  |  |  |  |  |
| **ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP** | | | | | | | | |

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. **Họ, chữ đệm và tên của thí sinh** *(Viết**đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | .................................................................... ...... | |  | ........... |  | .. | Giới *(Nữ* *ghi 1, Nam ghi 0)* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **2.** | **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)* | | | | | |  |  |  | *ngày* | | | | |  |  |  | *tháng năm* | | | | | | |
| **3. Số CMND/Căn cước CD** (hồ sơ đăng ký dựthi) | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4.** | **Số báo danh** (trong Kỳthi THPT Quốc gia) |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. **Số điện thoại** (hồ sơ đăng ký dự thi)……………………………..……..
2. **Địa chỉ Email:** …………………………..…….

**B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **7. Đề nghị điều chỉnh** | ***Khu vực ưu tiên*** | ***Đối tượng ưu tiên*** |
| **chế độ ưu tiên:** | ***tuyển sinh***: | ***tuyển sinh***: |

1. **Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh *(****Thí sinh* ***phải*** *ghi đầy*

*đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng từ cột (1) đến cột (5))*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự |  |  |  | Mã tổ hợp |  |
| NV ưu | Mã trường |  | Tên ngành | Nội dung |
| Mã ngành/Nhóm ngành | môn xét |
| tiên | (chữ in hoa) | /Nhóm ngành | thay đổi |
| (3) | tuyển |
| (1) | (2) | (4) | (6) |
|  | (5) |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |  |
| 10 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

**Tổng số nguyện vọng**:

*..........., ngày ..... tháng .... năm 2018*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

*(ký, ghi rõ họ tên)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **SỞ GDĐT**…….… | | | | | ....................... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | | | |
| **MÃ SỞ:** | |  |  |  |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |
|  | |  |  |  |  |  |  |  |
| PHIẾU SỐ 2 |  |  |  |  |  |  |  | SỐ PHIẾU: |
| (Thí sinh lưu) |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | **PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG** | | |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  | **ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP** | | | | | | | |

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. **Họ, chữ đệm và tên của thí sinh** *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | ............................................................................ | |  | ........... |  | .. |  | Giới *(Nữ* *ghi 1, Nam ghi 0)* | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **2.** | **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)* | | | | | |  |  |  |  |  | *ngày* | | | | | | |  | *tháng năm* | | | | | | |
| **3. Số CMND/Căn cước CD** (hồ sơ đăng ký dựthi) | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4.** | **Số báo danh** (trong Kỳthi THPT Quốc gia) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. **Số điện thoại** (hồ sơ đăng ký dự thi)……………………………..……..
2. **Địa chỉ Email:** …………………………..…….

**B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **7. Đề nghị điều chỉnh** | ***Khu vực ưu tiên*** | ***Đối tượng ưu tiên*** |
| **chế độ ưu tiên:** | ***tuyển sinh***: | ***tuyển sinh***: |

1. **Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh *(****Thí sinh* ***phải*** *ghi đầy*

*đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng từ cột (1) đến cột (5))*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự |  | Mã trường |  |  |  | Tên |  | Mã tổ hợp | Nội dung |  |
| NV ưu |  | (chữ in |  | Mã ngành/Nhóm ngành | | ngành/Nhóm |  | môn xét |  |
|  |  |  | thay đổi |  |
| tiên |  | hoa) |  | (3) | | ngành |  | tuyển |  |
|  |  |  | (6) |  |
| (1) |  | (2) |  |  |  | (4) |  | (5) |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số nguyện vọng**: | | | |  |  |  | *, ngàythángnăm 2018* | | | |
|  |  |  |
|  |  |  | |  |  |  |
|  |  | **NƠI NHẬN PHIẾU** | | | | *...........* |
|  | *(Đại diện ký, ghi rõ họ tên)* | | | | |  |  | **NGƯỜI ĐĂNG KÝ** | | |

*(ký, ghi rõ họ tên)*

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN THÔNG TIN VÀO PHIẾU ĐIỀU CHỈNH**

**NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP**

1. Thông tin điều chỉnh ĐKXT được khai trên 02 phiếu (Phiếu số 1 Nơi tiếp nhận lưu, Phiếu số 2 Thí sinh lưu).
2. Phần **THÔNG TIN CÁ NHÂN**: Cần ghi chính xác và thống nhất với thông tin trong Phiếu đăng ký dự thi THPT quốc gia và xét tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp.
3. Mục "Đề nghị điều chỉnh chế độ ưu tiên": Nếu thí sinh có sửa “Khu vực ưu tiên tuyển sinh“ hoặc “Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" thì đánh dấu X vào ô tương ứng (*trong* *mục "Khu vực ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các mã KV1, KV2-NT, KV2 hoặc KV3 tương ứng với khu vực ưu tiên của thí sinh được hưởng; trong mục "Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các ký hiệu từ 01 đến 07 tương ứng với đối tượng ưu tiên của thí sinh được hưởng. Nếu không thuộc đối tượng ưu tiên thì để trống).*
4. Bảng "**Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh**":

Bước1: Thí sinh ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng mới từ cột (1) đến cột (5);

Bước 2: So sánh bảng mới với bảng cũ (đã đăng ký khi làm thủ tục dự thi) để ghi "Nội dung thay đổi " vào cột (6) như sau:

* Nếu không thay đổi thứ tự NV ưu tiên và các nội dung đã đăng ký thì thí sinh ghi số **0** tại cột (6) cùng hàng;
* Nếu chỉ thay đổi thứ tự NV ưu tiên và giữ nguyên các nội dung khác đã đăng ký thì thí sinh ghi số thứ tự NV ưu tiên cũ tại cột (6) cùng hàng;
* Những thay đổi khác thì ghi **TĐ** tại cột 6 cùng hàng.

**Ví dụ:**

Bảng danh sách nguyện vọng cũ đã đăng ký khi làm thủ tục dự thi **(bảng cũ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Thứ tự |  | Mã trường | |  | Mã ngành/ | |  | Tên ngành/Nhóm ngành | |  | Mã tổ hợp môn | | |  |
|  | NV ưu tiên | | (chữ in hoa) | |  | Nhóm ngành | |  |  | xét tuyển | | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1 |  | BVH | |  | 7480201 |  |  | Công nghệ thông tin | |  |  | A00 | |  |
|  | 2 |  | QHI | |  | 7480201 |  |  | Công nghệ thông tin | |  |  | A00 | |  |
|  | 3 |  | BKA | |  | 7480201 |  |  | Công nghệ thông tin | |  |  | A00 | |  |
|  | 4 |  | VHD | |  | 7480201 |  |  | Công nghệ thông tin | |  |  | A00 | |  |
|  | …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Bảng nội dung điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển **(bảng mới)** | | | | | | | | | | | |  |  |  |
|  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
|  | Thứ tự | Mã trường | |  | Mã ngành/ | |  |  |  |  | Mã tổ hợp | |  | Nội |  |
|  | NV |  | (chữ in |  |  | Tên ngành/Nhóm ngành | |  | môn xét | |  | dung |  |
|  |  |  | Nhóm ngành | |  |  |  |  |
|  | ưu tiên |  | hoa) |  |  | (4) | |  | tuyển | |  | thay đổi |  |
|  |  |  | (3) | |  |  |  |  |
|  | (1) | (2) | |  |  |  |  |  | (5) | |  | (6) |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1 |  | QHI |  | 7480201 | |  | Công nghệ thông tin | |  | A00 | |  | **2** |  |
|  | 2 |  | BKA |  | 7510201 | |  | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | |  | A01 | |  | **TĐ** |  |
|  | 3 |  | KHA |  | 7340101 | |  | Quản trị kinh doanh | |  | D01 | |  | **TĐ** |  |
|  | 4 |  | VHD |  | 7480201 | |  | Công nghệ thông tin | |  | A00 | |  | **0** |  |
|  | …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Trong ví dụ trên**:

* Nguyện vọng 1 của bảng mới trùng với nguyện vọng 2 của bảng cũ: Điền số **2** *(số* *thứ tự NV ưu tiên cũ)* vào cột 6, hàng 1;
* Nguyện vọng 2 của bảng mới thay đổi so với bảng cũ: Điền **TĐ** vào cột 6, hàng 2;
* Nguyện vọng 4 của bảng mới không thay đổi so với bảng cũ: Điền số **0** vào cột 6, hàng 4.